

Phụ lục I

KHUNG KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN

(Kèm theo Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Bộ GDĐT)

TRƯỜNG THCS ĐẶNG TRẦN CÔN
TỔ KHOA HỌC TỰ NHIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN

MÔN HỌC/HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC : MÔN SINH HỌC- KHỐI LỚP 9.

(Năm học 2023 - 2024)

I. Đặc điểm tình hình

1. Số lớp: 10 ; Số học sinh: 422

2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên:03; Trình độ đào tạo: Cao đẳng: không, Đại học: 02; Trên đại học: 01

Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên: Tốt: 03; Khá: không; Đạt: không; Chưa đạt: không.

3. Thiết bị dạy học:

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
1	- Tiêu bản nhân thể - Kính hiển vi	10 hộp 10 cái	TH: Quan sát hình thái NST	
2	Mô hình phân tử ADN lắp ráp hoàn chỉnh và ở dạng tháo rời	Mỗi loại 10 bộ	TH: Quan sát và lắp ráp mô hình ADN	Làm sản phẩm là mô hình ADN
3	- Tranh ảnh đột biến hình thái ở lúa; bạch tạng ở lúa, chuột, người - Tranh ảnh về các kiểu đột biến cấu trúc NST, đột biến về số lượng ở hành tây, dâu tằm, dưa hấu ...	2 bộ	Chủ đề: Đột biến NST (TH: Nhận biết một vài dạng đột biến)	
4	Ảnh một số thường biến ở thực vật như: lúa, khoai tây, rau mác, cây rau	2 bộ	TH: Quan sát thường biến	

	dừa nước, củ su hào... liên quan đến ánh sáng, nhiệt độ, nước..			
5			TH: Tìm hiểu thành tựu chọn giống vật nuôi và cây trồng (HS sưu tầm hình)	
6	Bảng hình về các môi trường sống của các sinh vật	1	TH: Tìm hiểu môi trường và ảnh hưởng của một số nhân tố sinh thái	
7	Vườn sinh học của trường		TH: Tìm hiểu môi trường và ảnh hưởng của một số nhân tố sinh thái (tt)	
8	Bảng hình về các hệ sinh thái	1	TH: Hệ sinh thái	
9	Bảng các thành phần sinh vật trong hệ sinh thái	2 bộ	TH: Hệ sinh thái (tt)	
10	Bài báo cáo của học sinh các nhóm		TH: Tìm hiểu tình hình môi trường ở địa phương	
11	Bài báo cáo của học sinh các nhóm		TH: Tìm hiểu tình hình môi trường ở địa phương (tt)	
12	Bảng hình các hoạt động phá hoại môi trường; các hoạt động bảo vệ môi trường	2 bộ	TH: Vận dụng luật Bảo vệ môi trường	

4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập

STT	Tên phòng	Số lượng	Phạm vi và nội dung sử dụng	Ghi chú
1	Thực hành Sinh	01	Sử dụng cho các tiết thực hành , lưu trữ đồ dùng và 1 số thiết bị dạy học môn Sinh học	
2	Phòng Công nghệ - Stem	01	Sử dụng để làm và trưng bày các sản phẩm STEM	

II. Kế hoạch dạy học (theo khối lớp)

1. Phân phối chương trình

STT	Bài học	Số tiết	Yêu cầu cần đạt	Nội dung tích hợp/lồng ghép
1	Bài 1: Mendel và Di truyền học	1	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được nhiệm vụ, nội dung và vai trò của di truyền học - Giới thiệu Mendel là người đặt nền móng cho di truyền học - Nêu được phương pháp nghiên cứu di truyền của Mendel - Nêu được các thí nghiệm của Mendel và rút ra nhận xét 	

2	Chủ đề: Lai một cặp tính trạng.	1	- Nêu được các khái niệm: Kiểu hình - Phát biểu được nội dung quy luật phân li	Toán tính tỉ lệ
3	Chủ đề: Lai một cặp tính trạng.	1	Nêu được các khái niệm: Kiểu hình, kiểu gen, thể đồng hợp, thể dị hợp, cho ví dụ minh họa với mỗi khái niệm; lai phân tích. Viết các sơ đồ lai một cặp tính trạng	
4	Lai 2 cặp tính trạng	1	Phát biểu được nội dung quy luật phân li độc lập	Toán tính tỉ lệ
5	Lai 2 cặp tính trạng (tt)	1	- Nhận biết được biến dị tổ hợp xuất hiện trong phép lai hai cặp tính trạng của Mendel - Nêu được ứng dụng của quy luật phân li trong sản xuất và đời sống	
6	Chương II - Nhiễm sắc thể	1	- Nêu được tính chất đặc trưng của bộ nhiễm sắc thể của mỗi loài. - Mô tả được cấu trúc hiển vi của nhiễm sắc thể và nêu được chức năng của nhiễm sắc thể. - Nêu được mối liên quan giữa bộ nhiễm sắc thể đơn bội và bộ nhiễm sắc thể lưỡng bội. - Nêu được khái niệm biến dị tổ hợp và cơ chế phát sinh.	
7	Chủ đề: Phân bào (Nguyên phân)	1	- Trình bày được ý nghĩa sự thay đổi trạng thái (đơn, kép), biến đổi số lượng (ở tế bào mẹ và tế bào con) và sự vận động của nhiễm sắc thể qua các kì của nguyên phân và giảm phân.	
8	Chủ đề: Phân bào (Giảm phân)	1	- Nêu được ý nghĩa của nguyên phân, giảm phân và thụ tinh. - Phân biệt nguyên phân, giảm phân.	
9	Phát sinh giao tử và thụ tinh	1	Trình bày được quá trình phát sinh giao tử ở động vật	
10	Chủ đề: Cơ chế xác định giới tính	1	- Nêu được một số đặc điểm của nhiễm sắc thể giới tính và vai trò của nó đối với sự xác định giới tính. - Giải thích được cơ chế xác định nhiễm sắc thể giới tính và tỉ lệ đực : cái ở mỗi loài là 1: 1 - Nêu được các yếu tố của môi trường trong và ngoài ảnh hưởng đến sự phân hóa giới tính. - Nêu được quan điểm của bản thân về lựa chọn giới tính trong sinh sản ở người.	Tích hợp giáo dục giới tính

11	Di truyền liên kết	1	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được thí nghiệm của Moocgan và nhận xét kết quả thí nghiệm đó - Nêu được ý nghĩa thực tiễn của di truyền liên kết - Phân biệt quy luật di truyền liên kết với quy luật phân li độc lập. 	
12	Chương III - ADN	1	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được thành phần hóa học, tính đặc thù và đa dạng của ADN - Mô tả được cấu trúc không gian của ADN và chú ý tới nguyên tắc bổ sung của các cặp nucleotit 	
13	ADN và bản chất của gen	1	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được cơ chế tự sao của ADN diễn ra theo nguyên tắc: bổ sung, bán bảo toàn - Nêu được chức năng của gen 	
14	Mối quan hệ giữa gen và ARN	1	<ul style="list-style-type: none"> - Kể được các loại ARN - Biết được sự tạo thành ARN dựa trên mạch khuôn của gen và diễn ra theo nguyên tắc bổ sung 	
15	Prôtêin	1	Nêu được thành phần hóa học và chức năng của protein (biểu hiện thành tính trạng).	
16	Mối quan hệ giữa gen và tính trạng	1	Nêu được mối quan hệ giữa gen và tính trạng thông qua sơ đồ: Gen → ARN → Protein → Tính trạng.	
17	Chương IV - Đột biến gen	1	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được khái niệm biến dị - Phát biểu được khái niệm đột biến gen và kể được các dạng đột biến gen 	
18	Chủ đề: Đột biến NST (Đột biến cấu trúc NST)	1	<ul style="list-style-type: none"> - Kể được các dạng đột biến cấu trúc và số lượng nhiễm sắc thể (thể dị bội, thể đa bội) - Nêu được nguyên nhân phát sinh và một số biểu hiện của đột biến gen và đột biến nhiễm sắc thể 	
19	Chủ đề: Đột biến NST (Đột biến số lượng NST)	1		
20	Chủ đề: Đột biến NST (Đột biến số lượng NST)	1		
21	Thường biến	1	<ul style="list-style-type: none"> - Định nghĩa được thường biến và mức phản ứng - Nêu được mối quan hệ kiểu gen, kiểu hình và ngoại cảnh; nêu được một số ứng dụng của mối quan hệ đó 	
22	TH: Quan sát và lắp ráp mô hình ADN	1	Biết quan sát mô hình cấu trúc không gian của phân tử ADN để nhận biết thành phần cấu tạo	

23	Chủ đề: Đột biến NST (TH: Nhận biết một vài dạng đột biến)	1		
24	TH: Quan sát thường biến	1	Thu thập tranh ảnh, mẫu vật liên quan đến đột biến và thường biến	
25	TH : Quan sát hình thái NST	1	-Tiếp tục rèn kỹ năng sử dụng kính hiển vi. - Biết cách quan sát tiêu bản hiển vi hình thái	
26	Ôn tập ADN – NST	1	- Cấu tạo DNA, RNA, cơ chế và nguyên tắc tổng hợp DNA, RNA, - Cấu tạo Protein, quá trình dịch mã, mối quan hệ giữa gen và tính trạng - Cấu tạo NST. Quá trình nguyên phân, giảm phân - Bộ NST lưỡng bội, bộ NST đơn bội. - Quá trình phát sinh giao tử và thụ tinh. Cơ chế xác định giới tính. NST giới tính, các yếu tố ảnh hưởng sự phân hóa giới tính	
27	Kiểm tra giữa kì I	1	Nội dung về DNA và NST	
28	Chương V - Phương pháp nghiên cứu di truyền người	1	- Nêu được phương pháp nghiên cứu phả hệ và phương pháp nghiên cứu trẻ đồng sinh - Phân biệt được trẻ đồng sinh cùng trứng và khác trứng - Vai trò của phương pháp nghiên cứu trẻ đồng sinh - Nêu được một số ví dụ về tính trạng ở người	
29	Bệnh và tật di truyền ở người	1	Nêu được tên, nguyên nhân phát sinh của các bệnh và tật di truyền ở người, một số biện pháp hạn chế phát sinh bệnh và tật di truyền	
30	Bài tập chương I	1	Vận dụng được nội dung quy luật phân li và phân li độc lập để giải quyết các bài tập.	
31	Bài tập chương I (tt)	1	Vận dụng được nội dung quy luật phân li và phân li độc lập để giải quyết các bài tập.	
32	Bài tập chương I (tt)	1	Vận dụng được nội dung quy luật phân li và phân li độc lập để giải quyết các bài tập.	
33	Ôn tập	1	Chương 1 + 2 + 3	
34	Ôn tập phân di truyền và biến dị	1		
35	Kiểm tra cuối HKI	1		

36	Chương VI – Công nghệ tế bào	1	Nêu được khái niệm công nghệ tế bào và giới thiệu các ứng dụng của công nghệ tế bào.	
37	Công nghệ gen	1	Nêu được khái niệm: kỹ thuật gen, công nghệ gen, công nghệ sinh học	
38	Thoái hóa do tự thụ phấn và giao phối gần	1	Định nghĩa được hiện tượng thoái hóa giống, ưu thế lai; nêu được nguyên nhân thoái hóa giống và ưu thế lai; nêu được phương pháp tạo ưu thế lai và khắc phục thoái hóa giống được ứng dụng trong sản xuất.	
39	Ưu thế lai	1		
40	TH: Tìm hiểu thành tựu chọn giống vật nuôi và cây trồng (HS sưu tầm hình)	1	-Thu thập được tư liệu về thành tựu chọn giống	
41	Chương I - Môi trường và các nhân tố sinh thái	1	Nêu được các khái niệm: môi trường, nhân tố sinh thái, giới hạn sinh thái	
42	Ảnh hưởng của ánh sáng lên đời sống sinh vật	1	-Nêu được ảnh hưởng của một số nhân tố sinh thái vô sinh (nhiệt độ, ánh sáng, độ ẩm) đến sinh vật.	
43	Ảnh hưởng của nhiệt độ và độ ẩm lên đời sống sinh vật	1	-Nêu được một số nhóm sinh vật dựa vào giới hạn sinh thái của một số nhân tố sinh thái(ánh sáng, nhiệt độ, độ ẩm). Nêu được một số ví dụ về sự thích nghi của sinh vật với môi trường	
44	Ảnh hưởng lẫn nhau giữa các sinh vật	1	Kể được một số mối quan hệ cùng loài và khác loài	
45	TH: Tìm hiểu môi trường và ảnh hưởng của một số nhân tố sinh thái	1	Nhận biết một số nhân tố sinh thái trong môi trường	
46	TH: Tìm hiểu môi trường và ảnh hưởng của một số nhân tố sinh thái (tt)	1		
47	Chương II - Quần thể sinh vật	1	- Nêu được định nghĩa quần thể - Nêu được một số đặc trưng của quần thể: mật độ, tỉ lệ giới tính, thành phần nhóm tuổi.	

48	Quần thể người	1	Nêu được đặc điểm quần thể người. Từ đó thấy được ý nghĩa của việc thực hiện pháp lệnh về dân số	
49	Quần xã sinh vật	1	- Nêu được định nghĩa quần xã - Trình bày được các tính chất cơ bản của quần xã, các mối quan hệ giữa ngoại cảnh và quần xã, giữa các loài trong quần xã và sự cân bằng sinh học	
50	Hệ sinh thái	1	Nêu được các khái niệm: hệ sinh thái, chuỗi và lưới thức ăn	
51	TH: Hệ sinh thái	1	Biết đọc sơ đồ 1 chuỗi thức ăn cho trước	
52	TH: Hệ sinh thái (tt)	1		
53	Bài tập	1		
54	Ôn tập	1	- Môi trường sống của sinh vật, phân biệt nhân tố vô sinh và nhân tố hữu sinh, giới hạn sinh thái - Phân biệt sinh vật biến nhiệt và sinh vật hằng nhiệt, ảnh hưởng của những nhân tố vô sinh lên đời sống sinh vật. - Các mối quan hệ giữa những sinh vật cùng loài và sinh vật khác loài - Khái niệm quần thể, quần xã, hệ sinh thái, chuỗi thức ăn, lưới thức ăn. - Biết viết chuỗi thức ăn từ lưới hoặc biết viết lưới thức ăn từ các dữ kiện	
55	Kiểm tra giữa kỳ 2	1		
56	Chương II - Tác động của con người đối với môi trường	1	Nêu được các tác động của con người tới môi trường, đặc biệt là nhiều hoạt động của con người làm suy giảm hệ sinh thái, gây mất cân bằng sinh thái	
57	Ô nhiễm môi trường	1	- Nêu được khái niệm ô nhiễm môi trường - Nêu được một số chất gây ô nhiễm môi trường: các khí công nghiệp, thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ, các tác nhân gây đột biến - Nêu được hậu quả của ô nhiễm ảnh hưởng tới sức khỏe và gây ra nhiều bệnh tật cho con người và sinh vật.	
58	Ô nhiễm môi trường (tt)	1		

59	TH: Tìm hiểu tình hình môi trường ở địa phương	1	Liên hệ ở địa phương xem có những hoạt động nào của con người có thể làm suy giảm hay mất cân bằng sinh thái	
60	TH: Tìm hiểu tình hình môi trường ở địa phương (tt)	1		
61	Chương IV - Sử dụng hợp lý tài nguyên tài nguyên thiên nhiên	1	- Nêu được các dạng tài nguyên chủ yếu (tài nguyên tái sinh, không tái sinh, năng lượng vĩnh cửu). - Trình bày được các phương thức sử dụng các loại tài nguyên thiên nhiên: đất, nước, rừng.	
62	Khôi phục môi trường và gìn giữ thiên nhiên hoang dã	1	- Nêu được ý nghĩa của việc cần thiết phải khôi phục môi trường và bảo vệ sự đa dạng sinh học - Nêu được các biện pháp bảo vệ thiên nhiên: xây dựng khu bảo tồn, săn bắt hợp lí, trồng cây gây rừng, chống ô nhiễm môi trường	
63	Bảo vệ đa dạng các hệ sinh thái	1	- Nêu được sự đa dạng của các hệ sinh thái trên cạn và dưới nước - Nêu được vai trò của các hệ sinh thái rừng, hệ sinh thái biển, hệ sinh thái nông nghiệp và đề xuất các biện pháp bảo vệ các hệ sinh thái này.	
64	Luật Bảo vệ môi trường	1	Nêu được sự cần thiết ban hành luật và hiểu được một số nội dung của Luật Bảo vệ môi trường	
65	TH: Vận dụng luật Bảo vệ môi trường	1	Liên hệ với địa phương về những hoạt động cụ thể nào của con người có tác dụng bảo vệ và cải tạo môi trường tự nhiên	
66	Ôn tập – Kiểm tra cuối kỳ 2	1	- Nêu được một số chất gây ô nhiễm môi trường: các khí công nghiệp, thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ, các tác nhân gây đột biến - Nêu được hậu quả của ô nhiễm ảnh hưởng tới sức khỏe và gây ra nhiều bệnh tật cho con người và sinh vật. - Kiến thức về con người và môi trường, bảo vệ môi trường - Vận dụng kiến thức để giải quyết một số vấn đề liên quan	
67	Kiểm tra cuối HKII	1		
68	Ôn tập + Tổng kết chương trình	1		

69	Ôn tập + Tổng kết chương trình (tt)	1		
70	Sửa bài kiểm tra cuối HKII	1		

2. Chuyên đề lựa chọn:

STT	Chuyên đề	Môn	Số tiết	Thời điểm	Thiết bị dạy học	Địa điểm dạy học
1	DNA – NHIỄM SẮC THỂ	Sinh 9	2	Tuần 11/ HKI	- Vật dụng tái chế (ống hút, que kem, kềm, súng bắn keo, ..) - Đoạn clip hướng dẫn, gợi ý cách làm	Lớp học (Phòng học STEM)
2	MÔI TRƯỜNG VÀ CÁC NHÂN TỐ SINH THÁI	Sinh 9	1	Tuần 5 / HKII	-Vật dụng tái chế (bình nước, cây cỏ thật, motor. ống nước nhỏ..) - Đoạn clip hướng dẫn, gợi ý cách làm	Lớp học (Phòng học STEM)
3	GIÁO DỤC GIỚI TÍNH/ CHĂM SÓC SỨC KHỎE SINH SẢN VTN	Sinh 8,9	2	Tuần 2/ HKII	- Bộ câu hỏi để giúp HS tìm hiểu và thi đua giữa các đội - Bài giảng PP	Lớp học

3. Kế hoạch kiểm tra đánh giá thường xuyên

Điểm kiểm tra	Hình thức	Yêu cầu	Thời gian	Ghi chú
Sinh học 9 KT,ĐG1	Kiểm tra giữa kì I	- Hệ thống các kiến thức cơ bản về các quy luật di truyền, cấu trúc, chức năng của nhiễm sắc thể, cơ chế nguyên phân, giảm phân và thụ tinh. - Hệ thống các kiến thức cơ bản về AND, gen, protein, mối quan hệ giữa gen và tính trạng - Vận dụng kiến thức vào thực tiễn. - Vận dụng lí thuyết vào giải các bài tập.	Tuần 8 / HK I	Kiểm tra dạng tự luận

Sinh học 9 KT, ĐG 2	Kiểm tra cuối kì I	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống các kiến thức cơ bản cấu trúc, chức năng của nhiễm sắc thể, cơ chế xác định giới tính. - Hệ thống các kiến thức cơ bản về AND, gen, protein, mối quan hệ giữa gen và tính trạng - Vận dụng kiến thức vào thực tiễn. - Vận dụng lí thuyết vào giải các bài tập. 	Tuần 17/ HKI	Kiểm tra dạng tự luận
Sinh học 9 KT, ĐG 3	Kiểm tra giữa kì II	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống các kiến thức cơ bản về quần thể sinh vật, quần thể người, quần xã sinh vật, hệ sinh thái - Vận dụng kiến thức vào thực tiễn. - Vận dụng lí thuyết vào giải các bài tập. 	Tuần 9/HKII	Kiểm tra dạng tự luận
Sinh học 9 KT, ĐG 4	Kiểm tra cuối kì II	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống các kiến thức cơ bản về môi trường và các nhân tố sinh thái, ảnh hưởng lẫn nhau giữa các sinh vật - Hệ thống các kiến thức cơ bản về quần thể sinh vật, quần thể người, quần xã sinh vật, hệ sinh thái, ô nhiễm môi trường. - Vận dụng kiến thức vào thực tiễn. - Vận dụng lí thuyết vào giải các bài tập. 	Tuần 16/HKII	Kiểm tra dạng tự luận

4. Tổ chức dạy học qua internet

TT	Bài học	Số tiết	Yêu cầu cần đạt	Hình thức thực hiện	Công cụ / Phần mềm
1	Ôn tập chủ đề: Menden và di truyền học	3	<ul style="list-style-type: none"> - Phân biệt được tính trạng trội, lặn - Viết được giao tử của kiểu gen một cặp tính trạng và kiểu gen 2 cặp tính trạng - Hoàn tất được sơ đồ phép lai 1 cặp tính trạng 	<ul style="list-style-type: none"> - Tạo kho học liệu trên K12: clip bài giảng và nội dung cơ bản trọng tâm của bài. - Dạy online trên google meet hoặc LMS 	K12 online Google meet LMS

2	Ôn tập chủ đề: Nhiễm sắc thể	2	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được tính chất đặc trưng của bộ nhiễm sắc thể của mỗi loài. - Mô tả được cấu trúc hiển vi và chức năng của nhiễm sắc thể. - Mối liên quan giữa bộ nhiễm sắc thể đơn bội và bộ nhiễm sắc thể lưỡng bội. - Nêu được ý nghĩa của nguyên phân, giảm phân và thụ tinh. - Phân biệt nguyên phân, giảm phân đặc điểm của nhiễm sắc thể giới tính và vai trò của nó đối với sự xác định giới tính. - Giải thích được cơ chế xác định nhiễm sắc thể giới tính và tỉ lệ đực : cái ở mỗi loài là 1: 1 - Nêu được các yếu tố của môi trường trong và ngoài ảnh hưởng đến sự phân hóa giới tính. - Phân biệt quy luật di truyền liên kết với quy luật phân li độc lập. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tạo kho học liệu trên K12: clip bài giảng và nội dung cơ bản trọng tâm của bài. - Dạy online trên google meet hoặc LMS 	K12 online Google meet LMS
3	Ôn tập chủ đề: DNA	2	<ul style="list-style-type: none"> - Cấu trúc không gian của ADN và chú ý tới nguyên tắc bổ sung của các cặp nucleôtit - Cơ chế tự sao của ADN diễn ra theo nguyên tắc: bổ sung, bán bảo toàn - Các loại ARN. Biết được sự tạo thành ARN dựa trên mạch khuôn của gen và diễn ra theo nguyên tắc bổ sung - Thành phần hóa học và chức năng của protein - Mối quan hệ giữa gen và tính trạng thông qua sơ đồ: Gen → ARN → Protein → Tính trạng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tạo kho học liệu trên K12: clip bài giảng và nội dung cơ bản trọng tâm của bài. - Dạy online trên google meet hoặc LMS 	K12 online Google meet LMS
4	Chủ đề : Đột biến	2	<ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm đột biến gen và kể được các dạng đột biến gen - Kể được các dạng đột biến cấu trúc và số lượng nhiễm sắc thể (thể dị bội, thể đa bội) 	<ul style="list-style-type: none"> - Tạo kho học liệu trên K12: clip bài giảng và nội dung cơ bản trọng tâm của bài. - Dạy online trên google meet hoặc LMS 	K12 online Google meet LMS

			<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được nguyên nhân phát sinh và một số biểu hiện của đột biến gen và đột biến nhiễm sắc thể - Định nghĩa được thường biến và mức phản ứng - Nêu được mối quan hệ kiểu gen, kiểu hình và ngoại cảnh; nêu được một số ứng dụng của mối quan hệ đó 		
5	Chủ đề: Di truyền học người	1	<ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp nghiên cứu phả hệ và phương pháp nghiên cứu trẻ đồng sinh - Phân biệt được trẻ đồng sinh cùng trứng và khác trứng - Nêu được tên, nguyên nhân phát sinh của các bệnh và tật di truyền ở người, một số biện pháp hạn chế phát sinh bệnh và tật di truyền 	<ul style="list-style-type: none"> - Tạo kho học liệu trên K12: clip bài giảng và nội dung cơ bản trọng tâm của bài. - Dạy online trên google meet hoặc LMS 	K12 online Google meet LMS
6	Ôn tập chủ đề: Sinh vật và môi trường	1	<ul style="list-style-type: none"> - Các khái niệm: môi trường, nhân tố sinh thái, giới hạn sinh thái - Nêu được ảnh hưởng của một số nhân tố sinh thái vô sinh (nhiệt độ, ánh sáng, độ ẩm) đến sinh vật. -Nêu được một số nhóm sinh vật dựa vào giới hạn sinh thái của một số nhân tố sinh thái(ánh sáng, nhiệt độ, độ ẩm). Nêu được một số ví dụ về sự thích nghi của sinh vật với môi trường - Kể được một số mối quan hệ cùng loài và khác loài 	<ul style="list-style-type: none"> - Tạo kho học liệu trên K12: clip bài giảng và nội dung cơ bản trọng tâm của bài. - Dạy online trên google meet hoặc LMS 	K12 online Google meet LMS
7	Ôn tập chủ đề: Hệ sinh thái	1	<ul style="list-style-type: none"> - Định nghĩa quần thể - Nêu được một số đặc trưng của quần thể: mật độ, tỉ lệ giới tính, thành phần nhóm tuổi. - Đặc điểm quần thể người. Từ đó thấy được ý nghĩa của việc thực hiện pháp lệnh về dân số - Định nghĩa quần xã 	<ul style="list-style-type: none"> - Tạo kho học liệu trên K12: clip bài giảng và nội dung cơ bản trọng tâm của bài. - Dạy online trên google meet hoặc LMS 	K12 online Google meet LMS

			<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được các tính chất cơ bản của quần xã, các mối quan hệ giữa ngoại cảnh và quần xã, giữa các loài trong quần xã và sự cân bằng sinh học - Nêu được các khái niệm: hệ sinh thái, chuỗi và lưới thức ăn 		
8	Ôn tập chủ đề: Tác động của con người đến môi trường	1	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được các tác động của con người tới môi trường, đặc biệt là nhiều hoạt động của con người làm suy giảm hệ sinh thái, gây mất cân bằng sinh thái - Nêu được khái niệm ô nhiễm môi trường - Nêu được một số chất gây ô nhiễm môi trường: các khí công nghiệp, thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ, các tác nhân gây đột biến - Nêu được hậu quả của ô nhiễm ảnh hưởng tới sức khỏe và gây ra nhiều bệnh tật cho con người và sinh vật. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tạo kho học liệu trên K12: clip bài giảng và nội dung cơ bản trọng tâm của bài. - Dạy online trên google meet hoặc LMS 	K12 online Google meet LMS

III. Kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục của tổ chuyên môn

1. Khối lớp: 9; Số học sinh: 351

STT	Chủ đề	Yêu cầu cần đạt	Số tiết	Thời điểm	Địa điểm	Chủ trì	Phối hợp	Điều kiện thực hiện
1	DNA – NHIỄM SẮC THỂ	<ul style="list-style-type: none"> - HS hiểu rõ cấu trúc của DNA, của NST. - Vận dụng được nguyên tắc bổ sung trong cấu tạo của DNA, cấu trúc chu kỳ xoắn, số cặp Nu trong 1 chu kỳ, chiều xoắn. 	2	Tuần 11/ HKI	Lớp học – phòng STEM	Nguyễn Thị Nguyệt Ánh	Việt Phạm Diễm Kiều	<ul style="list-style-type: none"> - Vật dụng tái chế (ống hút, que kem, kìm, súng bắn keo, ..) - Đoạn clip hướng dẫn, gợi ý cách làm

		- Hiểu được mối quan hệ trong cấu tạo từ DNA đến NST - Hiểu rõ diễn biến của NST ở các kì trong chu kì tế bào						
2	MÔI TRƯỜNG VÀ CÁC NHÂN TỐ SINH THÁI	- Sự tác động của các nhân tố sinh thái (ánh sáng, nhiệt độ, độ ẩm..) lên đời sống sinh vật. - Các loại môi trường sống của sinh vật	1	Tuần 3 / HKII	Lớp học – phòng STEM	Việt Phạm Diễm Kiều	Trần Minh Nguyệt	-Vật dụng tái chế (bình nước, cây cỏ thật, motor. ống nước nhỏ..) - Đoạn clip hướng dẫn, gợi ý cách làm
3	GIÁO DỤC GIỚI TÍNH/ CHĂM SÓC SỨC KHỎE SINH SẢN VTN	- Giáo dục HS cách chăm sóc bản thân ở tuổi dậy thì - Cách bảo vệ và tự phòng vệ cho bản thân - Tình dục an toàn	2	Tuần 35/ HKII	Lớp học	Nhóm sinh	Y tế	- Bộ câu hỏi để giúp HS tìm hiểu và thi đua giữa các đội - Bài giảng PP

IV. Sinh hoạt chuyên môn của tổ chuyên môn

- Dự giờ: 5 tiết / 1 học kì. 10 tiết / 1 năm
- Thảo giảng, chuyên đề: 1 giáo viên / 1 lần / 1 năm (sử dụng giáo án kỹ thuật số)
- Tiết dạy tốt: 2 tiết / tuần
- Kiểm tra hoạt động sư phạm nhà giáo:

STT	HỌ TÊN GV	THAO GIẢNG	GHI CHÚ
1	Nguyễn Thị Nguyệt Ánh	KHTN 8 – Hệ hô hấp	HKII – tháng 3
2	Việt Phạm Diễm Kiều	KHTN 8 – Sự nở vì nhiệt	HKII – tháng 2
3	Trần Minh Nguyệt	KHTN 6 – Năm	HKI – tháng 1

V. Các nội dung khác:

1. Triển khai văn bản 4363/GDDĐT-GDTrH về xây dựng, sử dụng kho học liệu số

- Văn bản số 4363/GDĐT-GDTrH ngày 13 tháng 12 năm 2018 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về việc tăng cường xây dựng và sử dụng kho học liệu số toàn ngành, ngân hàng câu hỏi trực tuyến dùng chung

2. Bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu:

- Tham gia bồi dưỡng HSG môn Khoa học tự nhiên:

+ Môn Lý: cô Thu; thầy Hải

+ Môn Hóa: cô Sương; cô Trang

+ Môn Sinh: cô Phi; cô Ánh

- Phụ đạo học sinh yếu, kém ở các lớp.

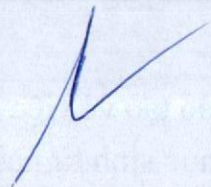
3. Tham gia cuộc thi, hội thi: Tham gia các hội thi, cuộc thi do trường, phòng giáo dục và sở giáo dục tổ chức.

4. Câu lạc bộ học thuật: STEM.

5. Hướng dẫn nghiên cứu khoa học: Hướng dẫn, hỗ trợ học sinh trong việc nghiên cứu khoa học: xây dựng đề tài, hoàn thành sản phẩm,...

6. Nội dung khác: không.

TỔ TRƯỞNG



Việt Phạm Diễm Kiều

Tân Phú, ngày 03 tháng 09 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG



Võ Lại Minh Cường